

Bản án số: 68/2024/HS-ST
Ngày 23 tháng 9 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Hoàng Ngọc Linh

Thẩm phán: ông Lê Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Chí Hùng, bà Nguyễn Thị Kim Cương và bà Phạm Thị Yến Nhi

Thư ký phiên toà: bà Trương Phan Yến Ngọc và bà Phạm Hà Phương My -
Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên toà: ông
Hoàng Hiến và bà Trịnh Thị Mỹ Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 9
năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 72/2024/QĐXXST- HS
ngày 09 tháng 9 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần Trung T (Cá Trê), sinh ngày 15 tháng 7 năm 1991, tại huyện T, tỉnh
An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: ấp V, xã V huyện T, tỉnh An Giang;
nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn
giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Trần Văn D và bà
Nguyễn Thị M; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2024 cho đến nay, hiện đang
tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh An Giang (có mặt).

Người bào chữa:

+ Bào chữa chỉ định: bà Bùi Trần Phú T3, Luật sư - Văn phòng Luật sư P, Đoàn
Luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: số 7 đường Hồ H, khóm Đ 8, phường M, thành phố L,
tỉnh An Giang (vắng mặt và có gửi bài bào chữa).

+ Bào chữa theo yêu cầu của bị cáo: ông Lương Tường H, Luật sư – Công ty
Luật A, Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: Tổ 17, ấp V, Thị trấn C, Huyện C, An
Giang (có mặt).

Bị hại: chị Trần Thị Xuân P, sinh năm 1992; trú tại: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh
An Giang (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn D, sinh năm 1959; trú tại: ấp Vĩnh Trung, xã Vĩnh Trạch, huyện T, tỉnh An Giang (là cha của bị cáo T, có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957; trú tại: ấp Vĩnh Trung, xã Vĩnh Trạch, huyện T, tỉnh An Giang (là mẹ của bị cáo T, có mặt).

3. Anh Trần Bình T1, sinh năm 2004; trú tại: tổ 2, ấp T 3, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (là em của bị hại P, có mặt).

Người làm chứng: ông Trần Văn S, bà Nguyễn Bích T2 và bà Nguyễn Kim L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng tháng 12/2023, Trần Trung T có quan hệ tình cảm với chị Trần Thị Xuân P (anh em chú, bác ruột với T) và cả hai chung sống với nhau như vợ chồng tại nơi ở của chị P thuộc tổ 1, ấp T 3, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Đến khoảng tháng 02/2024, bà Nguyễn Kim Lệ (mẹ của chị P) phát hiện, ngăn cản không cho T sống chung với chị P, nên T trở về sinh sống tại nhà của ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Miến (cha, mẹ ruột của T) ở ấp Vĩnh Trung, xã Vĩnh Trạch, huyện T, nhưng vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại và đến nhà gặp chị P để níu kéo quan hệ tình cảm nhưng bị chị P từ chối. Lúc này, T nghi ngờ chị P có quan hệ tình cảm với người khác, nên nhiều lần nảy sinh ý định giết chết chị P rồi tự sát; hành vi cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 23 giờ vào một ngày đầu tháng 3/2024 (không rõ ngày), T điều khiển xe mô tô biển số 67M1 - 977.66 đến quán bán nước của chị P thì dừng xe cặp lề đường cách quán khoảng 20m, rồi đi bộ đến quán, nhìn vào bên trong thấy cửa phòng ngủ của chị P còn mở và chưa tắt đèn. Lợi dụng hai bên vách quán không có mái che chắn phía trên, T leo vào bên trong, đi đến trước cửa phòng ngủ thì thấy chị P đang nằm trên giường xem điện thoại, theo hướng đầu quay ra cửa, mặt hướng vào bên trong. T lấy gói thuốc diệt chuột hiệu RODENT (loại thuốc bột) cất giấu ở vách cửa phòng ngủ của chị P trước đó khoảng 03 ngày, xé bọc đổ thuốc vào bên trong ca nước uống của chị P đang để trong phòng. Nghe tiếng động, chị P ngồi dậy phát hiện T đột nhập vào quán nên đứng lên dùng tay xô T ra phía trước, mở cửa đẩy T ra ngoài. Lúc này, T tiếp tục lấy thuốc diệt chuột đổ lên lòng bàn tay rồi ụp vào mặt, miệng của chị P, chị P tri hô cứu giúp thì được ông Trần Văn Sang (là cha của chị P) đang ngủ ở nhà bên cạnh chạy đến can ngăn, T ném bỏ gói thuốc diệt chuột, rồi điều khiển xe mô tô chạy đi. Sau đó, chị P vào phòng ngủ phát hiện ca nước uống của chị P bị T đổ thuốc diệt chuột vào nên đem đi đổ bỏ. Ông Sang đã nhặt gói thuốc diệt chuột để vào bọc nilon cất giữ, sau đó giao cho Cơ quan Công an.

Lần thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 28/4/2024, T hẹn gặp chị P tại quán trà sữa “BO” ở tổ 7, ấp Vĩnh Phú 2, xã V, huyện T để nói chuyện và được chị P đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 67F5-2877 đến điểm hẹn, đợi khoảng 20 phút nhưng chị P không đến. T điều khiển xe đến quán bán nước của chị P, thấy chị P đang ngồi nói chuyện với khoảng 02 – 03 người đàn ông nên ghen tức và nảy sinh

ý định dùng xăng đốt giết chết chị P. Để thực hiện hành vi, T nhặt 01 chai nhựa (loại chai đựng dầu ăn hiệu MEIZAN; dung tích 01 lít) hút xăng trong xe ra đựng vào chai nhựa, ngồi chờ chị P đến. Khoảng 05 phút sau, thấy chị P điều khiển xe mô tô biển số 67M1-977.66 chạy đến, T kêu chị P dừng xe, rồi mở nắp chai chứa xăng đi đến đứng trước đầu xe mô tô của chị P, tạt xăng vào vùng cổ, ngực và bụng của chị P, sau đó T kéo chị P xuống xe ngồi cặp lê đường nói chuyện, rồi lấy hộp quẹt ga ra cầm trên tay phải đưa vào bên hông trái của chị P bật lửa đốt chết chị P. Khi thấy lửa trên người chị P bốc cháy và chị P kêu cứu, T đã kéo chị P nhảy xuống bờ kênh ở lề đường đối diện dập lửa. Do chị P bị thương nặng, T đã điều khiển xe mô tô chở chị P đến Trạm Y tế xã Vĩnh Trạch cấp cứu và chuyển đến Bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh An Giang điều trị, đến ngày 14/5/2024 chị P xuất viện. Khoảng 08 giờ ngày 29/4/2024, T đến Công an xã V đầu thú.

Vật chứng đã thu giữ và xử lý: 02 xe mô tô biển số 67F5-2877, 67M1-977.66; 01 chai nhựa rỗng (loại chai dầu ăn hiệu “MEIZAN”, thể tích 01 lít); 01 bọc nylon trong suốt kích thước (25x16,5)cm, bên trong có chứa chất màu trắng dạng bột; 01 bọc vỏ thuốc trừ chuột hiệu “RODENT” bị xé mất góc phía trên bên phải; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy note 9; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo (màn hình bị bể); 01 quần sọt jean màu xanh; 01 áo thun ngắn tay màu xanh.

Cơ quan điều tra đã giao trả cho chị P 01 xe mô tô biển số 67M1-977.66 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo (màn hình bị bể).

Kết quả khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên.

Tại Kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 307BS/24/KLTTCT-TTPY ngày 20/6/2024 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh An Giang đối với chị Trần Thị Xuân P:

- Các kết quả chính: Sẹo bỏng ảnh hưởng đến chức năng da và thẩm mỹ vùng mặt phải và trái, vành tai phải và trái, diện tích bỏng chiếm 02% diện tích cơ thể, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15%; sẹo bỏng ảnh hưởng đến chức năng da và thẩm mỹ vùng cổ trước và cổ sau, diện tích bỏng chiếm 02% diện tích cơ thể; sẹo bỏng không ảnh hưởng đến điều tiết và thẩm mỹ vùng: Ngực trái chiếm 02% diện tích cơ thể, mông phải – trái chiếm 02% diện tích cơ thể, mặt trước 1/3 trên cẳng tay phải chiếm 01% diện tích cơ thể, mặt lưng bàn tay và các ngón tay phải chiếm 01% diện tích cơ thể; sẹo bỏng gây rối loạn sắc tố ảnh hưởng đến thẩm mỹ: Vùng bụng chiếm 03% diện tích cơ thể, vùng hông – lưng phải chiếm 01% diện tích cơ thể, rải rác vùng lưng phải chiếm 05% diện tích cơ thể, vùng mặt trước đùi phải chiếm 02% diện tích cơ thể, vùng mặt trước đùi trái chiếm 01% diện tích cơ thể, vùng cánh tay phải chiếm 02% diện tích cơ thể, vùng cánh tay trái chiếm 02% diện tích cơ thể, vùng cẳng tay trái chiếm 02% diện tích cơ thể, vùng bàn tay trái chiếm 01% diện tích cơ thể.

- Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y Tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần. Áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư tại thời điểm giám

định là: 42%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại kết luận số 307/24/KLTTCT-TTPY ngày 02/5/2024 là 15%. Căn cứ Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 307/24/KLTTCT-TTPY ngày 02/5/2024 và kết quả giám định bổ sung nêu trên, tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương trên cơ thể do thương tích gây nên của chị Trần Thị Xuân P là 51%.

- Kết luận khác: Tất cả các thương tích trên do bỏng nhiệt gây nên.

Tại Kết luận giám định số 2958/KL-KTHS ngày 24/5/2024 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an: 01 vỏ chai nhựa nhãn hiệu “Dầu đậu nành” được niêm phong gửi giám định có thấy thành phần xăng. Mẫu vật không đủ yếu tố để giám định loại xăng.

Tại Kết luận giám định số 2959/KL-KTHS ngày 02/7/2024 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an: Chất bột màu trắng đựng trong 01 gói nhãn “thuốc trừ chuột hiệu RODENT” gửi giám định có thấy thành phần Warfarin. Warfarin là thuốc diệt chuột thuộc nhóm độc I, rất độc với người và gia súc, LD qua đường miệng chuột là 3mg/kg.

Về trách nhiệm dân sự: chị Trần Thị Xuân P yêu cầu bị cáo Tín phải bồi thường tổng số tiền đã chi phí điều trị là 91.000.000 đồng. Ông Trần Văn Dính và bà Nguyễn Thị Miễn đã đóng tiền viện phí và trả chi phí điều trị cho bị hại P số tiền 11.000.000 đồng. Nay chị P yêu cầu bị cáo Tín phải bồi thường tiếp số tiền còn thiếu là 80.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 91/CT-VKSAG-P2 ngày 04/9/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố Trần Trung T về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra Trần Trung T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Trung T vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Trần Thị Xuân P trình bày sự việc đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo Tín; còn về phần trách nhiệm dân sự, xác nhận đã nhận của gia đình bị cáo Tín 50.000.000 đồng, nay bị hại yêu cầu bị cáo Tín bồi thường thêm 40.000.000 đồng; về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy bộ quần áo đã thu giữ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Dính và bà Nguyễn Thị Miễn khai: sau khi biết sự việc xảy ra, ông Dính và bà Miễn đã đến Bệnh viện thăm hỏi cháu P và tự nguyện bồi thường tổng số tiền 50.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền này là do ông, bà tích cóp vay mượn mà có, nay không yêu cầu bị cáo Tín phải bồi hoàn.

Người làm chứng có mặt và vắng mặt khai phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm

n khoản 1 Điều 123; điểm a, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 57; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Trung Tín từ 14 đến 16 năm tù về tội “Giết người”. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 chai nhựa; 01 bọc nilon, bên trong có chứa chất màu trắng dạng bột; 01 bọc vỏ thuốc trừ chuột; 01 quần sọt jean màu xanh; 01 áo thun ngắn tay màu xanh. Trả lại cho ông Trần Văn D 01 xe mô tô biển số 67F5-2877; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy note 9 trả lại cho bị cáo Trần Trung T.

Những người bào chữa đều đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về việc truy tố bị cáo Trần Trung Tín về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa, để xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Bị cáo Trần Trung Tín nhất trí với bản luận cứ bào chữa nêu trên của người bào chữa, đồng thời không bào chữa bổ sung thêm. Lời cuối cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại nhất trí với quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và không có tranh luận thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của người làm chứng không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 03/2024 đến ngày 28/4/2024, bị cáo Trần Trung Tín đã nhiều lần có hành vi dùng thuốc diệt chuột để đầu độc và dùng xăng để

đốt chết bị hại Trần Thị Xuân P. Hậu quả làm bị hại Trần Thị Xuân P bị tổn thương cơ thể là 51%, bị hại Trần Thị Xuân P không chết là do nguyên nhân khách quan và được cấp cứu kịp thời; cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 23 giờ vào một ngày đầu tháng 3/2024, bị cáo Trần Trung T đã có hành vi dùng thuốc diệt chuột hiệu RODENT (loại thuốc bột) đổ thuốc vào bên trong ca nước uống của chị Trần Thị Xuân P, sau đó lấy thuốc diệt chuột đổ lên lòng bàn tay của bị cáo Tín rồi up vào mặt, miệng của bị hại Trần Thị Xuân P, mục đích để đầu độc nhằm giết chết bị hại P, bị hại P không chết là do phát hiện kịp thời.

Lần thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 28/4/2024, bị cáo Trần Trung T đã có hành vi dùng xăng tạt vào người chị P sau đó dùng quẹt ga đốt cháy nhằm giết chết chị P. Hậu quả làm chị P bị bỏng nặng, tổn thương cơ thể 51%, bị hại P không chết là do được cấp cứu kịp thời.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Trung Tín đã phạm tội “Giết người”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Chỉ vì ghen tuông vô cớ, bị cáo đã có hành vi dùng thuốc diệt chuột pha vào nước nhằm mục đích cho bị hại uống, dùng xăng đốt cháy bị hại, Hậu quả làm bị hại bị bỏng nặng, thương thật 51%, do đó hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp “*Có tính chất côn đồ*” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng của con người; đến quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo là người đã thành niên, bản thân có sức khỏe và có hiểu biết nhất định về pháp luật nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân dẫn đến phạm tội. Trong vụ án này, hành vi được thực hiện với lỗi cố ý, động cơ mục đích của tội phạm là nhằm giết chết bị hại, bị hại không chết là do những nguyên nhân khách quan ngoài ý chí chủ quan của bị cáo.

Mặt khác, tội phạm được thực hiện một cách quyết liệt, thể hiện tính côn đồ hung hãn đối với chính người thân có mối quan hệ anh em với bị cáo. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà mình đã gây ra.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã nhiều lần cố ý nhằm giết chết bị hại nên phải chịu tình tiết “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thực sự ăn năn hối cải; sau khi phạm tội

đã tác động với gia đình để thỏa thuận bồi thường cho bị hại; ngay sau khi thấy lửa cháy bị cáo đã lao vào dập lửa, kéo bị hại nhảy xuống kênh nước để ngăn chặn làm giảm bớt tác hại của tội phạm; quá trình tố tụng bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sau khi phạm tội tự nguyện ra đầu thú; bị cáo có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét thấy: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, đây là lần đầu bị Tòa án đưa ra xét xử; bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tỷ lệ thương tích của bị hại là 51%. Tuy nhiên, bị cáo còn phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên. Mặt khác, hậu quả do tội phạm gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, không những ảnh hưởng về sức khỏe mà còn gây ảnh hưởng đến thẩm mỹ, tâm lý, thể chất, tinh thần của con người. Do đó, việc áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội là cần thiết, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[4] Do hậu quả chết người chưa xảy ra vì nguyên nhân khách quan nên bị cáo được áp dụng đường lối xử lý phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 và Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 123 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm. Xét thấy, việc áp dụng hình phạt chính là phạt tù có thời hạn đã nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc bồi thường, tổng số tiền bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm là 90.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu bồi thường gì khác. Gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng bị cáo sẽ bồi thường sau khi xét xử. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về vật chứng: 01 xe mô tô biển số 67F5-2877 là phương tiện và tài sản của ông Trần Văn D và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy note 9 là tài sản của bị cáo không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho chủ sở hữu. Đối với 01 vỏ chai nhựa hiệu “MEIZAN”, 01 bọc nilon, bên trong có chứa chất màu trắng dạng bột, 01 bọc vỏ thuốc trừ chuột hiệu “RODENT”, 01 quần sọt jean màu xanh và 01 áo thun ngắn tay màu xanh không có giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy.

[8] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trần Trung Tín** phạm tội “Giết người (chưa đạt)”.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm a, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15, Điều 57; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo **Trần Trung Tín 14 (Mười bốn) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 29/4/2024).

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại bị cáo Trần Trung Tín 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy note 9 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Trả lại cho ông Trần Văn D 01 xe mô tô biển số 67F5-2877.

- Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ chai nhựa hiệu “MEIZAN”, 01 bọc nilon, bên trong có chứa chất màu trắng dạng bột, 01 bọc vỏ thuốc trừ chuột hiệu “RODENT”, 01 quần sọt jean màu xanh và 01 áo thun ngắn tay màu xanh đã thu giữ trong vụ án (Đặc điểm tang vật như Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 09/9/2024).

Căn cứ Điều 584; Điều 585 và Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại: Trần Trung T bồi thường cho bị hại Trần Thị Xuân Phương 90.000.000 đồng, ghi nhận bị cáo đã bồi thường 50.000.000 đồng cho bị hại, Trần Trung T tiếp tục bồi thường 40.000.000 đồng cho Trần Thị Xuân P.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Trung Tín phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000đ (Hai triệu đồng) án phí dân sự trong hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Trại tạm giam, Công an tỉnh An Giang;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Linh